

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày: 27-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lê

Ông Ma Thanh Khỏe

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phùng Kiềm S; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 16 tháng 02 năm 1985 tại Nguyên Bình, Cao Bằng.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Dao.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phùng Vần C (đã chết) và bà Đặng Mùi K; sinh năm 1952, nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Vợ: Bàn Mùi N1; sinh năm 1979; nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2002, con thứ hai sinh năm 2005.

Anh em ruột: Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/02/2021 đến nay, hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phùng Tồn D; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 30 tháng 01 năm 2002 tại Nguyên Bình, Cao Bằng.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Dao.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phùng Kiềm S (là bị cáo đầu vụ trong cùng vụ án) và bà Bàn Mùi N1; sinh năm 1979; nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Anh em ruột: Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con cả.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/02/2021 đến nay, hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Phùng Kiềm S và Phùng Tồn D:* Bà Hà Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt đề ngày 25/5/2021).

- *Người phiên dịch tiếng Dao:* Bà Đặng Thị Hiền

Công tác tại: Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Nguyên Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định làm nhà ở nên từ ngày 07 đến ngày 12 tháng 01 năm 2021, Phùng Kiềm S, sinh năm 1985 và con trai là Phùng Tồn D, sinh năm 2002 cùng trú tại xóm N, xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng mang theo 01 máy cưa lốc, 01 con dao quắm, 01 cuộn dây dù và 01 đoạn gỗ được đo, vạch sẵn kích thước đi vào khu rừng thuộc lô 50, khoảng 6, tiểu lô 336 do cộng đồng xóm N quản lý dùng máy cưa chặt hạ 11 cây gỗ nghiêng. S và D cùng khai nhận, S là người trực tiếp dùng cưa chặt hạ và xẻ gỗ, D giúp căng dây, vận, xếp gỗ. Quá trình khai thác cụ thể như sau:

Ngày 07/01/2021 chặt 01 cây, xẻ được 12 tấm gỗ;

Ngày 08/01/2021 chặt 02 cây, cây thứ nhất xẻ được 02 tấm, cây thứ hai xẻ được 03 tấm;

Ngày 09/01/2021 chặt 01 cây, xẻ được 04 tấm;

Ngày 10/01/2021 chặt 02 cây, cây thứ nhất xẻ được 04 tấm, cây thứ hai xẻ được 10 tấm;

Ngày 11/01/2021 chặt 02 cây, mỗi cây xẻ được 02 tấm;

Ngày 12/01/2021 chặt 03 cây, trong đó hai cây đầu bị rỗng ruột nên không lấy được gỗ, cây thứ ba xẻ được 05 tấm.

Sau khi khai thác được 11 cây gỗ, máy cưa bị hỏng nên S đã mang máy cưa về đem đi sửa, tất cả số gỗ trên để lại tại rừng, nơi bị cáo khai thác.

Ngày 16/01/2021, Công an huyện Nguyên Bình phát hiện, lập biên bản vụ việc và kiểm tra sơ bộ đối với hành vi khai thác gỗ trái phép của S và D.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình tiến hành khám nghiệm hiện trường và kiểm đếm xác định khối lượng gỗ bị khai thác trái phép gồm 3,507 m³ gỗ tròn và 2,273 m³ gỗ xẻ quy đổi thành 3,636 m³ gỗ tròn, tổng khối lượng là 7,143 m³ gỗ tròn. Theo Kết luận số 04/KL-HĐĐG ngày 25/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản giá trị tổng khối lượng gỗ là 49.552.000,đ (*Bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Ngày 27/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành lấy 11 mẫu vật tại các gốc cây bị chặt hạ niêm phong, gửi giám định. Theo Kết luận giám định số 74/CNR-VP ngày 25/02/2021 của Viện nghiên cứu nông nghiệp rừng kết luận: 11 mẫu giám định đồng nhất một chủng loại gỗ, tên Việt Nam: Nghiến, tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* (A.Chev.) H.T.Chang & R.H.Miau. Loài nghiến được xếp tại Bảng IIA trong nhóm II tại “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*” ban hành theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phùng Kiềm S và Phùng Tồn D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo khai do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhà đã mục nát sắp đổ nên lên rừng khai thác gỗ để lấy về làm nhà.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có:

- 44 thanh gỗ xẻ và 17 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng đã quy đổi ra gỗ tròn là 7,143m³ hiện nay vẫn để tại hiện trường và giao cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nguyên Bình quản lý.

- 01 cưa lóc màu đỏ vàng trên thân cưa có ghi dòng chữ “HUSQUAVARA”, dài 1,05 m, loại cũ đã bị hư hỏng; 01 con dao quắm bằng kim loại, tối màu, dài 53 cm, có cán gỗ dài 18 cm, chỗ rộng nhất 0,5 cm; 01 đoạn dây dài 11,4 m, đường kính 0,1 cm. Số vật chứng trên đã chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS NB ngày 19/4/2021 của Viện kiểm sát nhân huyện Nguyên Bình truy tố các bị cáo Phùng Kiềm S và Phùng Tồn D về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; các điểm i, s, m khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phùng Kiềm S từ 18 (*mười tám*) đến 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (*Ba mươi sáu*) đến 48 (*Bốn mươi tám*) tháng; xử phạt bị cáo Phùng Tồn D từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (*Hai mươi tư*) đến 36 (*Ba mươi sáu*) tháng.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số gỗ các bị cáo đã khai thác; Tịch thu tiêu hủy 01 máy cưa đã hư hỏng, 01 con dao quắm và 01 đoạn dây không có giá trị sử dụng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo: Các bị cáo đã có hành vi khai thác trái phép 11 cây gỗ nghiến (thuộc danh mục thực vật rừng quý, hiếm nhóm IIA), với tổng khối lượng là 7,143 m³ tại khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự do đó người bào chữa nhất trí với tội danh và Điều luật áp dụng mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình đã truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các yếu tố sau: Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội do các bị cáo sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí thấp, không ý thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra. Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình tố tụng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ không khấu trừ thu nhập.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tự bào chữa bổ sung. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, ý kiến của người bào chữa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên

Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung:

Tại phiên tòa các bị cáo Phùng Kiềm S và Phùng Tồn D thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo khai do có nhu cầu làm nhà nên S và D đã lên rừng chặt hạ 11 cây gỗ nghiêng xẻ được 44 tấm gỗ, chưa kịp vận chuyển về nhà thì bị cơ quan Công an phát hiện và xử lý. Xét thấy, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường về địa điểm, số lượng cây gỗ bị chặt hạ, trùng khớp với biên bản kiểm đếm gỗ về khối lượng gỗ đã khai thác. Theo biên bản xác định vị trí cây bị chặt hạ lập ngày 27/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã P, số cây các bị cáo đã khai thác thuộc lô 50, khoảnh 6, tiểu khu 336 chủ quản lý là cộng đồng xóm N (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 861247 cấp năm 2006). Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình về việc công bố hiện trạng rừng trên địa bàn huyện Nguyên Bình năm 2020 và Phụ lục I phân chia trạng thái rừng Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, lô 50, khoảnh 6, tiểu khu 336 là rừng phòng hộ tự nhiên. Tại Biên bản kiểm đếm khối lượng tang vật lập ngày 18/01/2021, tổng khối lượng gỗ bị chặt hạ quy đổi ra gỗ tròn là 7,143 m³. Theo kết luận giám định số 74/CNR-VP ngày 25/02/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận: 11 mẫu giám định đồng nhất một chủng loại gỗ, tên Việt Nam: Nghiến, tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* (A.Chev.) H.T.Chang & R.H.Miau. Loài nghiến được xếp tại Bảng IIA trong nhóm II tại “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự “*Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 07 mét khối đến dưới 15 mét khối gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối đến dưới 10 mét khối gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình truy tố các bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của của các bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án, bị cáo Phùng Kiềm S đóng vai trò chính, là người chủ mưu khởi xướng việc vào rừng khai thác trái phép gỗ và S cũng là người trực tiếp chặt hạ cũng như cưa, xẻ gỗ. Phùng Tồn D đóng vai trò thứ yếu, là con trai của S, khi bố có ý định vào rừng chặt cây để là nhà, thực hiện đạo lý làm con D khó

lòng từ chối và đã vào rừng giúp bố. Bản thân D không trực tiếp chặt hạ cây gỗ nào mà chỉ giúp xếp, vận, đo đạc cây để xẻ.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu, mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm, là tội phạm ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự “*Phạm tội do lạc hậu*” cho các bị cáo. Tại bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo, người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo do các bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế. Hội đồng xét xử xét thấy, “*Phạm tội do lạc hậu*” là trường hợp thực hiện hành vi phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật hoặc hành động theo phong tục, tập quán, tín ngưỡng, thói quen cổ hủ, lạc hậu mà không biết là mình phạm tội. Trong vụ án, các bị cáo nhận thức còn hạn chế tuy nhiên, tại phiên tòa, các bị cáo khai biết khu vực các bị cáo khai thác gỗ là rừng phòng hộ, được tuyên truyền và biết Nhà nước cấm khai thác gỗ nghiêm cũng như khai thác gỗ khi chưa được cấp giấy phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m khoản 1 cũng như khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, sinh sống ở nơi điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, không có trình độ văn hóa, nhận thức xã hội còn hạn chế, các bị cáo biết khai thác gỗ khi chưa được Nhà nước cấp phép là vi phạm pháp luật nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, xâm phạm tài nguyên rừng, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững, ổn định của môi trường, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị ở địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi của các bị cáo để giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với hành vi khai thác rừng trái phép.

Trong vụ án, bị cáo S đóng vai trò chính, bị cáo D đóng vai trò thứ yếu. Hơn nữa, bị cáo D tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội bị cáo mới 19 tuổi, bản thân bị cáo không được đi học, nhận thức hạn chế, khi bố vào rừng chặt cây làm nhà D chỉ nghĩ đơn giản là đi giúp bố mà không nhận thức được tác hại đối với tự nhiên của việc chặt phá rừng phòng hộ cũng như hậu quả pháp lý mà mình phải gánh chịu khi thực hiện hành vi. Do đó, cần cho bị cáo D được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo S.

Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, động cơ, mục đích cũng như nguyên nhân phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng, tạo điều kiện để các bị cáo có cơ hội tự tu dưỡng, cải tạo, làm ăn, sinh sống lương thiện, có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 44 thanh gỗ xẻ có khối lượng là 2,273 m³ quy đổi ra gỗ tròn là 3,363 m³; 17 khúc gỗ tròn có khối lượng 3,507 m³. Số vật chứng trên Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nguyên Bình đang quản lý theo biên bản giao nhận tang vật lập ngày 20/01/2021.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cửa lóc màu đỏ vàng trên thân cửa có ghi dòng chữ “HUSQUAVARA”, dài 1,05 m, loại cũ đã hư hỏng, 01 con dao quắm bằng kim loại, tối màu, dài 53 cm, có cán gỗ dài 18 cm, chỗ rộng nhất 0,5 cm và 01 đoạn dây dài 11,4 m, đường kính 0,1 cm do không còn giá trị sử dụng. Số vật chứng trên đã chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình theo biên bản giao nhận vật chứng số 14 ngày 26/4/2021.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phùng Kiềm S và Phùng Tồn D phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phùng Kiềm S 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban ban nhân dân xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phùng Kiềm S.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phùng Tồn D 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban ban nhân dân xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phùng Tồn D. Bị cáo D thuộc hộ nghèo, không có

việc làm, không có thu nhập ổn định do đó miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 44 thanh gỗ xẻ và 17 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng quy đổi ra gỗ tròn là 7,143 m³. Số vật chứng trên ủy ban nhân dân xã P, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đang quản lý theo biên bản giao nhận tang vật lập ngày 20/01/2021.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cửa lóc màu đỏ vàng trên thân cửa có ghi dòng chữ “HUSQUAVARA”, dài 1,05 m, loại cũ đã hư hỏng, 01 con dao quắm bằng kim loại, tối màu, dài 53 cm, có cán gỗ dài 18 cm, chỗ rộng nhất 0,5 cm và 01 đoạn dây dài 11,4 m, đường kính 0,1 cm. Số vật chứng trên đã chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình theo biên bản giao nhận vật chứng số 14 ngày 26/4/2021.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Phùng Kiềm S và Phùng Tồn D mỗi người phải chịu 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã P;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mã Nguyệt Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Người có QL & NVLQ;
- UBND xã, thị trấn
nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngôn Ngọc Viên

